TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/HS-ST
Ngày 21/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm và ông K Văn Xuân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Ly – Thư ký Tòa án – Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: ông Lương Văn Trọng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 84/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023, đối với:

*** Bị cáo Nguyễn Đức T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 06 tháng 8 năm 1994 tại tỉnh N3.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N1, xã T, huyện N2, tỉnh N3; Chỗ ở hiện nay: Tổ A, phường D, thành phố C1, tỉnh C2; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông B, sinh năm 1969 và bà C, sinh năm 1965; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: có 02 tiền án, ngày 26/12/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tuyên phạt 18 tháng tù về Tội cưỡng đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự 1999. Ngày 16/12/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tuyên phạt 48 tháng tù về Tội cướp tài sản, 24 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản với tình tiết tăng nặng "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự 1999. Tổng hợp hình phạt là 72 tháng tù.

Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

* Người bị hại: Anh X, sinh năm 1991; địa chỉ: xóm T2, xã C, huyện T, tỉnh

C. *Có mặt.*

* Người làm chứng:

1. Anh E, sinh năm 1978; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. *Vắng mặt có lý do*

2. Anh G, sinh năm 1990; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. *Vắng mặt có lý do*

3. Anh H, sinh năm 1994; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. *Vắng mặt có lý do*

4. Anh I, sinh năm 2003; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. *Vắng mặt có lý do*

5. Anh L, sinh năm 1993; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. *Vắng mặt có lý do*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2022, N, sinh năm 1970, trú tại tổ dân phố M, thị trấn T, huyện T và X, sinh năm 1973, trú tại xóm T2, xã C, huyện T, tỉnh C phát sinh mâu thuẫn trong việc làm ăn. N cho rằng X đã lừa tiền của mình 170.000.000 đồng và đã đòi nhiều lần nhưng X không trả. Sau đó, N kể việc này cho E là cháu của N và G là con nuôi của N. Khoảng cuối tháng 9, đầu tháng 10 năm 2022, G đến nhà E chơi và nhắc lại sự việc giữa N và X. E gọi điện cho N, N nói "Cậu đòi nhiều lần nhưng không được mà còn thách thức", E nói "để cháu đòi cho, thằng kia nó sợ cháu lắm". Sau đó, E nhiều lần nhắn tin, gọi điện cho X nhưng X không trả tiền mà còn có thái độ thách thức. Do không đòi được nợ, khoảng ngày 24, 25/10/2022, E gọi điện cho L nhờ L tìm người vào thị trấn T giúp đòi nợ. L đồng ý. Sau đó, E gọi điện báo cho N biết việc E gọi một số người từ thành phố C vào TL để cùng E và G đòi nợ cho N vào ngày 27/10/2022. N đồng ý với kế hoạch của E. N trao đổi với E, sau khi lấy được tiền của X, N sẽ chi trả tiền công đòi nợ sau.

Sáng ngày 26/10/2022, E gọi điện cho G nói cùng E ra thành phố thuê xe ô tô đón mấy anh em vào thị trấn TL để đòi nợ cho N. Khoảng 15 giờ cùng ngày, E điều khiển xe ô tô chở G từ thị trấn TL đến thành phố C thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu INNOVA. Sau đó, E đến gặp L và cùng G mỗi người điều khiển 01 xe chở nhóm của L gồm L, H, T, I, K đi vào thị trấn TL. Khi đến thị trấn TL, E đưa cho G 500.000 đồng thuê phòng ở cho nhóm của L tại nhà nghỉ ĐL thuộc tổ dân phố 1, thị trấn TL.

Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 27/10/2022, cả nhóm tập trung tại nhà của E ở tổ dân phố 3, thị trấn TL, huyện T. Sau đó, G lái xe ô tô chở E, L, H, T, I, K đến

Cơ sở điều trị Methadone thuộc địa phận xóm N, thị trấn TL, huyện T, tỉnh C tìm X. Trên xe, E trao đổi với cả nhóm về việc đi tìm X để đòi nợ. Do đã nắm được quy luật buổi sáng X đến Cơ sở điều trị Methadone uống thuốc. G điều khiển xe dừng cách cổng Cơ sở điều trị Methadone khoảng 100 mét để quan sát, chờ X đến. Khoảng 15 phút sau, X điều khiển xe mô tô Exciter đến. Khi thấy X, E nói với L và cả nhóm "thằng này này, nó đi xe Exciter, xuống đón thằng đấy lên xe cho anh". Sau đó, cả nhóm xuống xe. Sợ nhóm L không biết mặt X nên E nói "G cùng xuống, sợ bọn nó không biết mặt". G xuống xe. E ngồi sang ghế lái. G đi vào sân Cơ sở điều trị Methadone. Thấy X đang đứng xếp hàng chờ uống thuốc, G đi đến đứng đằng sau X. T đứng ở cổng. L, I, H, K đứng phía ngoài cổng. Thấy X uống thuốc xong, G đến nói với X "anh X ơi lên xe anh E tìm". Sau đó, cả nhóm đưa X lên xe ô tô. G ngồi sau ghế lái. X ngồi cạnh G. T ngồi bên trái X. Những người còn lại ngồi ghế phụ và hàng ghế sau. E điều khiển xe ô tô theo đường liên xóm C-V, thị trấn TL. Đến đoạn đường có bãi đất trống, E dừng xe, để mọi người xuống xe. G đứng ở đầu xe. Những người khác đứng quây xung quanh X. E nói với X về việc nợ tiền nhưng X không nhận. Sau đó, E tát vào mặt X 01 phát. L, T, H, K, I cũng cùng đánh X. L dùng chân đá vào mạn sườn bên phải của X 01 phát; T tát nhiều phát vào mặt X và có được dùng chân phải đá một phát vào người X (sút ngang) trúng vào đoạn đầu gối, bắp khuỷu tay; H đá 01 phát vào lưng X; K đá 01 phát vào lưng, mạn sườn của X; I tát 01 phát vào mặt, đá 01 phát vào mông X; G đứng xem, không trực tiếp tham gia đánh X. Sau đó, E L G gọi điện cho N và L N đến. Khoảng 10 đến 15 phút sau thì N đến nói chuyện với X. Khi E, L, T, I, H vừa đánh vừa đe dọa X thì có 01 người dân điều khiển xe mô tô đi qua nên E nói "đi lên bãi đá cho vắng". Sau đó, G điều khiển xe chở E, L, H, I, T, X; K điều khiển xe mô tô chở N cùng di chuyển đến bãi đá Phia Chiên thuộc xóm C, thị trấn TL. Tại đây, E hỏi T thường khi đòi nợ thì làm như thế nào. T nói phải cho viết giấy vay nợ. Sau đó, T tiếp tục tát X và bắt X viết giấy vay nợ. X đồng ý. K điều khiển xe mô tô của N chở N đi mua giấy, bút rồi quay lại. T và K bắt X đứng ở đầu xe ô tô và lấy giấy, bút cho X viết giấy vay nợ với số tiền 170.000.000 đồng, yêu cầu X phải trả trong ngày 27/10/2022, trong đó trả 40.000.000 đồng tiền mặt và thế chấp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA. Sau khi X viết giấy vay nợ xong, K điều khiển xe mô tô chở N; E, G, L, T, H, I bắt X lên xe ô tô đưa về nhà E. Trên đường về, X chỉ chỗ để chiếc xe mô tô YAMAHA Exciter biển kiểm soát 11B1 - 53537 của X tại Cơ sở điều trị Methadone và đưa chìa khóa, giấy tờ xe cho E. E cầm chìa khóa xe đưa cho K và L K mang xe mô tô của X về nhà E. Sau đó, K điều khiển xe mô tô của X; G điều khiển xe ô tô chở E và L, T, H, I, K; N tự điều khiển xe mô tô của mình về nhà E thuộc tổ dân phố M, thị trấn TL, huyện T, tỉnh C.

Sau khi X vào nhà E, thấy giấy vay nợ X viết sai nhiều nên T yêu cầu X viết lại giấy vay nợ và đọc to trước mặt N. K dùng điện thoại của E quay video. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, N sử dụng xe mô tô của mình chở X về nhà của X tại xóm T2, xã C để lấy 40.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, N về nhà E đưa cọc tiền vừa lấy được cho E. E đếm được 39.500.000 đồng, rút lấy 10.000.000 đồng tiền công đòi nợ, đưa lại cho N 29.500.000 đồng.

Sau đó, tại nhà của mình, E đưa cho L 6.000.000 đồng tiền công. L chia cho H 1.200.000 đồng, I 1.200.000 đồng, T 1.100.000 đồng, K 1.200.000 đồng.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, E đưa 1.500.000 đồng cho G để mua xăng và trả tiền thuê xe. Sau đó G điều khiển xe đã thuê đưa nhóm L ra thành phố C và trả xe ô tô.

Sau khi được trả tự do, X đã trình báo Công an huyện Trùng khánh và đến Trung tâm y tế huyện T, tỉnh C để điều trị vết thương.

Khám xét chỗ ở của E thu được 02 gói ma túy, một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11B1 - 535.37 nhãn hiệu YAMAHA loại EXCITER màu xanh bạc - đen, xe đã qua sử dụng, trong cốp xe có một đăng ký xe mang tên X và nhiều vật chứng khác liên quan đến vụ án.

Ngày 02/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh Quyết định trưng cầu giám định thương tích của X. Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 139/22/TgT ngày 07/11/2022 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Cao Bằng đối với X kết luận: "Dấu hiệu chính qua giám định: Gẫy xương sườn 8, 9, 10, 11 và 12 bên phải do chấn thương: 10%. Sưng nề, sây sát da vùng mặt, trong bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể không có quy định đánh giá tỉ lệ tổn thương %. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: *10% (mười phần trăm)"* .

Ngày 02/6/2023, Bị hại X có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với E, G, L, H, I, K, T về Tội cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Sau khi xem xét thấy hành vi của E, G, L, H, I, K, T là trường hợp khởi tố theo yêu cầu bị hại, quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã ra Quyết định đình chỉ vụ án đối với E, G, L, H, I, K, T về Tội cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh ban hành Cáo Trạng số 59, truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh để xét xử đối với E về Tội cưỡng đoạt tài sản, quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 170; Tội bắt giữ người trái pháp luật, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157; Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255; Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Truy

tố N về Tội cưỡng đoạt tài sản, quy định tại điểm a, d, e khoản 2 Điều 170; Tội bắt giữ người trái pháp luật, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157; Tội cố ý gây thương tích, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự; Truy tố G, L, I, H, T về Tội cưỡng đoạt tài sản, quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 170; Tội bắt giữ người trái pháp luật, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự. Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xét xử theo các tội danh trên đúng quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử, thấy T có 02 tiền án, chưa được xóa án tích. Tại bản án số 88/2014/HSST ngày 16 tháng 12 năm 2014, tuyên phạt 48 tháng tù về Tội cướp tài sản, 24 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản với tình tiết tăng nặng "tái phạm", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999. Tổng hợp hình phạt là 72 tháng tù. Ngày 16/7/2020, T chấp hành án xong trở về địa phương. Ngày 27/10/2022, T tiếp tục phạm tội mới khi chưa được xóa án tích. Hành vi của phạm tội của T thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm", là tình tiết định khung, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do đó, không thuộc trường hợp được đình chỉ theo yêu cầu của bị hại về Tội cố ý gây thương tích.

Ngày 03/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định hủy bỏ quyết định đình chỉ vụ án và Quyết định phục hồi vụ án đối với T để xử lý theo quy định pháp luật về Tội cố ý gây thương tích.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo, bị hại và những người làm chứng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 88/CT-VKSTK, ngày 20 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo T về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội, việc truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại X không có ý kiến gì về Bản kết luận giám định pháp y về thương tích và đề nghị xét xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận được bồi thường nên không đề nghị, yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt những người làm chứng gồm: E, G, H, I, L thừa nhận nội dung như cáo trạng phản ánh và có thấy sự việc ngày hôm đó xảy ra như bản cáo trạng nêu.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội *"Cố ý gây thương tích"* quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134, điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của các bản án đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường, đề nghị gì nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo và bị hại không tranh luận. Khi nói lời sau cùng, bị cáo không ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa bị cáo T nhận tội, lời khai nhận của bị cáo, lời khai của bị hại và những người làm chứng phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Khoảng 08 giờ ngày 27/10/2022, tại thị trấn TL, huyện Trùng Khánh T và 06 người khác được E thuê bắt X đưa lên xe ô tô di chuyển đến các địa điểm vắng người qua lại thuộc thị trấn TL để khống chế, đe dọa và đánh đập X. T đã có hành vi tát nhiều phát vào mặt X và có được dùng chân phải đá một phát vào người X (sút ngang) trúng vào đoạn đầu gối và bắp khuỷu tay. Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 139/22/TgT ngày 07/11/2022 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Cao Bằng đối với X kết luận: "Dấu hiệu chính qua giám định: Gẫy xương sườn 8,

9, 10, 11 và 12 bên phải do chấn thương: 10%. Sưng nề, sây sát da vùng mặt, trong bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể không có quy định đánh giá tỉ lệ tổn thương %. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: *10% (mười phần trăm)".* Ngoài ra, T có 02 tiền án, chưa được xóa án tích. Tại bản án số 88/2014/HSST ngày 16 tháng 12 năm 2014, tuyên phạt 48 tháng tù về Tội cướp tài sản, 24 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản với tình tiết tăng nặng "tái phạm", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999. Tổng hợp hình phạt là 72 tháng tù. Ngày 16/7/2020, T chấp hành án xong trở về địa phương. Ngày 27/10/2022, T tiếp tục phạm tội mới khi chưa được xóa án tích. Hành vi của phạm tội của T thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm", là tình tiết định khung, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Với những căn cứ trên, Hội đồng xét xử khẳng định bị cáo T đã phạm tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015. "**Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác**

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

d) Tái phạm nguy hiểm;..."

Đây là vụ án Cố ý gây thương tích do bị cáo T cùng đồng bọn thực hiện. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội xuất phát từ vấn đề vay mượn giữa bị hại và N. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật L vệ, gây bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân, gây mất ổn định trật tự trị an tại địa phương và hoang mang trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh người khác là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp pháp luật để thực hiện. Bị cáo tiếp tục phạm tội mới khi chưa được xóa án tích. Hành vi của phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm". Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự mới tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ,

hành vi của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết tội bị cáo T phạm Tội cố ý gây thương tích theo điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[3]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có 02 tiền án (Ngày 26/12/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tuyên phạt 18 tháng tù về Tội cưỡng đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự 1999. Ngày 16/12/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tuyên phạt 48 tháng tù về Tội cướp tài sản, 24 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản với tình tiết tăng nặng "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự 1999. Tổng hợp hình phạt là 72 tháng tù. Ngày 16/7/2020, T chấp hành án xong trở về địa phương, chưa được xóa án tích) nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng rèn luyện mình trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội mà ngày 27/10/2022 lại tiếp tục phạm tội mới nên có nhân thân xấu.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự thú, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó, bị cáo T được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4]. Mức hình phạt: Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được xem xét chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, bản thân nghiện ma túy nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét giải quyết.

[7] Các nhận định khác:

Đối với hành vi phạm tội E, N, G, L, I, H đã bị xử lý bằng một Bản án khác nên không đề nghị xử lý trong vụ án này là đúng quy định pháp luật.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đã được xử lý trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Đối với K, qua xác minh không rõ đang ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra và ra Quyết định truy nã đối với K.

[8]. Án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo T phạm tội ***"Cố ý gây thương tích" .***

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ Luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 02 (hai) năm tù về tội "*Cố ý gây thương tích*". Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 70/2023/HS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023, bị cáo Nguyễn Đức T bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xử phạt 03 (ba) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", 03 (ba) năm tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt cho hai tội bị cáo phải chịu hình phạt chung là 06 (sáu) năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai Bản án là 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 03/11/2022.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về án phí: Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại. Báo bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CA huyện;
- Bị cáo; Bị hại;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp Cao Bằng;
- UBND phường D

(Bằng Thông báo);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nông Quốc Hùng